

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẾN TRE

Áp Phước Hậu (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7), Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0275 363 5678/ 3635 999



**BIA
SAIGON.[®]
BEN TRE**

**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG
NIÊN NĂM 2026**

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẾN TRE**

- 1 Chương trình Đại Hội
- 2 Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
- 3 Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026
- 4 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026
- 5 Tờ trình sửa đổi, bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty
Đính kèm : Bảng thuyết minh đề xuất điều chỉnh Điều lệ công ty; Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre.
- 6 Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán
Đính kèm Báo cáo kiểm toán năm 2025 do Công ty KPMG thực hiện.
- 7 Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán 2026
- 8 Tờ trình về việc ký kết các hợp đồng giao dịch năm 2026
- 9 Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025
- 10 Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026
- 11 Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS 2025 & Kế hoạch 2026

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Thời gian: 9h00, ngày 16/04/2026.
- Địa điểm: Hội trường Lầu 10A - Nhà khách Quốc Hội.
165 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, TP.HCM

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC	
09h00 - 09h30	1. Đón tiếp đại biểu - Đăng ký cổ đông tham dự	Ban KT TCCĐ
	2. Thẩm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu	
09h30 - 09h40	3. Nghi thức khai mạc, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.	Ban tổ chức
	4. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban KT TCCĐ
09h40 - 09h50	5. Giới thiệu nhân sự Đại hội: Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký;	Ban tổ chức
	6. Thông qua Chương trình của Đại hội	
	7. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	
09h50 - 10h10	8. Chương trình nghị sự	
	- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, kế hoạch 2026	Chủ tịch HĐQT
	- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch 2026	Ban kiểm soát
	- Trình sửa đổi, bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh và Điều lệ	
	- Trình thông qua báo cáo kiểm toán năm 2025	
	- Trình lựa chọn Công ty kiểm toán 2026	
	- Trình thông qua các hợp đồng giao dịch với Sabeco năm 2026	
	- Trình phân phối lợi nhuận năm 2025	
	- Trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026	
- Trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS 2025, kế hoạch 2026		
10h10 - 10h30	9. Đại hội thảo luận	Chủ tọa
10h30 - 10h40	10. Biểu quyết các nội dung nghị sự (nêu trên)	Chủ tọa
10h40 - 11h00	11. Nghi giải lao	
11h00 - 11h10	12. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết.	Ban kiểm phiếu
11h10 - 11h30	13. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Thư ký
11h30	14. Tuyên bố bế mạc Đại hội.	Chủ tọa

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty
- HĐQT, BKS
- Lưu HĐQT



DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre thường niên 2026 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị (HĐQT) xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Quy chế tổ chức được xây dựng nhằm đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre thường niên 2026 diễn ra đúng quy định.
- Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

II. NỘI DUNG QUY CHẾ

1. Điều kiện tiên hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiên hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục II; Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiên hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục II; Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

- Các cổ đông của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre theo danh sách chốt ngày 17/03/2026 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Khách mời tại Đại hội:



- Là các chức danh quản lý của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre, khách mời, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Khách mời, cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh và y tế, giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Cổ đông/Người được ủy quyền đăng ký và tham gia Đại hội, và nhận hồ sơ tài liệu, tại bộ phận đón tiếp.
- Cổ đông/Người được ủy quyền đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông/Người được ủy quyền đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa Đại hội.
- Trường hợp có Cổ đông/Người được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông/Người được ủy quyền nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
 - + Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - + Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - + Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.
 - + Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.

- Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:
 - + Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa.
 - + Tiếp nhận phiếu câu hỏi và/ hoặc ý kiến của cổ đông.
 - + Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
 - + Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.
 - + Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

8. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra
 - + Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết
 - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền
 - + Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
 - + Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

9. Phát biểu tại Đại hội:

- Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông/Người được ủy quyền phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

10. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội:

a. Các quy định chung về biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: **một (01) Thẻ biểu quyết** và **một (01) Phiếu biểu quyết** có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội.



- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy chế ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Thẻ thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:

- Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều được xin ý kiến theo trình tự:
 - + Tán thành với nội dung vừa được trình;
 - + Không tán thành với nội dung vừa được trình;
 - + Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- **Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/Người được ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/Người được ủy quyền giơ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.
 - + Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
 - + Trường hợp cổ đông/Người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - + Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.
- **Phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/Người được ủy quyền được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:**
 - + Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
 - + Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoài trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
 - + Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/Người được ủy quyền tham dự.
 - + Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).
- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**
 - + Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ.
 - + Đối với phiếu biểu quyết có nhiều nội dung cần thông qua, ngoài các nội dung biểu quyết không hợp lệ, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- Đối với quyết định các nội dung liên quan đến loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre; tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre; gia hạn hoạt động của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/Người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/người được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

11. Biên bản và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre.

III. THỰC HIỆN:

- Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre và các quy định pháp luật có liên quan, chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội. Nếu vi phạm tùy theo mức độ Chủ tọa Đại hội sẽ áp dụng các biện pháp xử lý từ việc hạn chế không được phát biểu, trục xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Tuấn

(DỰ THẢO)

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) trong năm 2025 và định hướng hoạt động trong năm 2026 như sau:

I. Kết quả hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình chung :

- Năm 2025 tiếp tục với những khó khăn đối với ngành bia và nước giải khát, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các hãng sản xuất bia cộng thêm nhiều thách thức do bất ổn của tình hình địa chính trị trên thế giới dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng,... Năm 2025, giá nguyên vật liệu chính có phần giảm nhiệt nhưng một số vẫn cao hơn giá kế hoạch do Sabeco ban hành làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm. Việc thực hiện thắt chặt Nghị định 100, tăng cường kiểm soát nồng độ cồn vào những tháng cuối năm đã ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của các doanh nghiệp ngành rượu, bia.
- Năm 2025, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của nhà máy đạt 44.78 triệu lít chỉ đạt 91.4% so với kế hoạch và bằng 44.8% công suất thiết kế của nhà máy, trong bối cảnh dư nợ vay trung dài hạn còn nhiều nên gây ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận và nhất là dòng tiền để cân đối việc trả nợ vay, lãi, duy trì hoạt động...
- Mặc dù vậy, năm 2025 nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ hữu hiệu của Ban Tổng giám đốc Sabeco và các Ban chức năng Tổng công ty, từ việc cân đối sản lượng sản xuất và giao hàng đến việc cho phép thanh toán trả chậm tiền nguyên vật liệu đầu vào cùng với chính sách hỗ trợ lãi suất của Vietinbank nên kết quả hoạt động SXKD của Công ty ghi nhận lợi nhuận dương.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

- Năm 2025, sản lượng tiêu thụ đạt 44,78 triệu lít đạt 91.4% so với kế hoạch Tổng công ty giao. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Tăng trưởng	% Tăng trưởng
		2024	2025	2025	TH2025/ TH2024	TH2025/ KH2025
		(A)	(B)	(C)	(C)/(A)	(C)/(B)
Doanh thu thuần	tỷ đồng	524.72	536.26	494.01	94.15%	92.12%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3.46	6.13	1.01	29.03%	16.40%



3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025

3.1 Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ thường niên năm 2025 vào ngày 18/04/2025 và ban hành nghị quyết số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ.

3.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện 04 phiên họp và ban hành 04 nghị quyết chỉ đạo hoạt động SXKD. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ..., thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

3.3 Kết quả giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành:

- HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động của Ban điều hành và chỉ đạo kịp thời để thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025 đề ra và nghị quyết của HĐQT.
- Trong năm tài chính 2025, việc giám sát này được thực hiện thông qua 04 cuộc họp của HĐQT với Ban Điều hành. HĐQT đã trực tiếp làm việc, trao đổi với Giám đốc về các vấn đề liên quan trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, so sánh giữa kế hoạch và kết quả thực hiện thông qua các chỉ tiêu: sản lượng giao hàng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

3.4 Thù lao của HĐQT:

- Thù lao của HĐQT thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025.

4. Kết quả chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2025:

4.1 Cơ cấu tổ chức:

a. Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên:

- Ông Lưu Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Tấn Lợi - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Bà Bùi Thị Thúy - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Phạm Hồng Minh - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Đinh Văn Thuận - Thành viên Hội đồng quản trị.

b. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Đỗ Văn Biên - Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Hà Đức Trung - Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Lưu Thanh Thảo - Thành viên Ban kiểm soát.

4.2 Hoạt động bán hàng - marketing:

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát kế hoạch sản xuất do Tổng công ty phân bổ, tận dụng mọi nguồn lực để sản xuất kịp thời, đạt chất lượng và giao hàng đúng tiến độ.

- Tham gia các hoạt động công tác xã hội tại địa phương nhằm tạo mối quan hệ với chính quyền địa phương trong việc quảng bá thương hiệu Bia Sài Gòn, kích cầu, chuyển đổi dần thói quen tiêu dùng từ rượu sang bia.
- Phối hợp với bộ phận marketing tại các công ty thương mại trong hệ thống Sabeco, triển khai chương trình B2B, quảng bá và tiếp thị các doanh nghiệp trong khu Công nghiệp Giao Long, An Hiệp chuyển sang dùng bia Sài Gòn trong các dịp lễ, tết.
- Tăng cường tiếp thị tiêu thụ sản phẩm phụ (bia tươi) tận dụng từ nguồn bia đuổi đầu, cuối, bia cận loãng.

4.3 Hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng:

- Trong sản xuất: Chỉ đạo Ban điều hành tìm nguồn nguyên vật liệu với giá cạnh tranh, áp dụng kết quả thương thảo giá mua nguyên vật liệu của Tổng công ty để ổn định chi phí giá thành.
- Hoàn thiện các quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật nhằm kiểm soát chi phí, giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- a. Các giải pháp cải tiến quy trình sản xuất, tiết kiệm năng lượng:
 - Lập kế hoạch sản xuất hàng tuần phù hợp, tận dụng tối đa giờ sản xuất với giá điện bình thường, thấp điểm.
 - Triển khai áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật của Ban Kỹ thuật Tổng Công ty, cải tiến theo tình hình thực tế của nhà máy để cải tiến quy trình công nghệ, đảm bảo chất lượng và tiết giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng:
 - Quản lý chất lượng nguyên vật liệu đầu vào:
 - + Lắp đặt đường CO2 dùng để xông môi mọt cho silo chứa Malt/Gạo/Barley;
 - + Thực hiện thử nghiệm và thay thế các phụ gia, hoá chất chung nhóm sử dụng nhưng có giá thành thấp hơn để tối ưu chi phí (enzym Diazym TGA thay thế Atenuzym Pro).
 - Các sáng kiến tiết kiệm và sử dụng nguyên liệu hiệu quả:
 - + Lập kế hoạch phối malt, kế hoạch sử dụng enzyme theo mẻ nấu nhằm đảm bảo kiểm soát đúng lượng malt, enzyme đưa vào quá trình nấu; tối ưu lượng enzyme sử dụng phù hợp với các chỉ tiêu của lô malt.
 - + Lập kế hoạch kiểm soát tỷ lệ bột: nước hàng tuần, tinh chỉnh và cải tiến các thông số chính trong công đoạn nấu nhằm thu hồi thêm chất tan và ổn định hiệu suất nấu.
 - + Cải tiến quy trình nghiền barley, lắp đặt mới thêm 01 tank (1.5m³), đồng thời chuyển sang nghiền barley bằng nước 60°C (thay vì nước 32°C), giúp giảm được thời gian nghiền barley 45 phút/mẻ, ổn định chất lượng (pH, mùi vị) của dịch barley sau nghiền.
 - + Thay đổi công thức phối Malt, Gạo và Barley theo tỉ lệ: Malt (60%), Gạo (25%), và Barley (15%). Tháng 12/2025, nấu thử nghiệm 03 tank 20% barley, để theo dõi quy trình, cải tiến thiết bị phục vụ cho nấu đại trà 20% barley trong năm 2026.
 - + Tiếp tục tái sử dụng bụi phát sinh trong quá trình xuất nguyên vật liệu, đồng thời điều chỉnh vị trí bổ sung bụi xuất liệu vào cân gạo (thay vì đổ trực tiếp vào nồi gạo) giúp bụi được phân tán đều không gây vón cục, ổn định chỉ tiêu Iodine của nước nha và tiết kiệm lượng enzyme Amylex phát sinh xử lý Iodine.
 - + Xây dựng kế hoạch sử dụng Hop hàng tuần, nhằm kiểm soát đúng lượng Hop sử dụng, ổn định định mức và đạt mức min ngưỡng mong muốn chỉ tiêu độ đắng bia thành phẩm.

- + Công nghệ Pre Hop (ngâm Hop trước khi đun sôi) giúp ly trích đắng tốt.
- + Tiếp tục thu hồi cặn Hop ở cuối công đoạn chuyển dịch nha. Thu hồi phần dịch trong phía trên sau khi lắng bơm vào nồi lắng xoáy chờ chuyển dịch chung với mẻ liền kề phía sau, phần còn lại chuyển vào giai đoạn rửa bã ở công đoạn lọc của mẻ nấu tiếp theo.
- + Thực hiện điều chỉnh giảm pH nước nấu bia từ 7.0 về 6.0 giúp tạo môi trường hoạt động tối ưu cho các enzyme trong công đoạn nấu và điều chỉnh pH bia lên men phụ, bia thành phẩm về mức giá trị mong muốn.
- + Cải tiến và kiểm soát chặt quy trình xả cặn men; thực hiện quy trình thu hồi bia cặn đáy tank về lọc; chuyển công năng bồn men thải thành PPT02, dung tích 78 hl, đồng thời lắp đặt đường xiphong ở 02 PPT01 và 02, góp phần giảm thể tích bia xả cặn, tăng hiệu suất lên men. Lượng bia xả cặn trung bình quý 04/2025 là 2.6 hl/tank, giảm 78.8% so với trung bình quý 04/2024 là 12.3 hl/tank. Hiệu suất lên men trung bình năm 2025 96.20%, tăng 0.15% so với trung bình năm 2024 (96.05%).
- + Cải tiến quy trình thu hồi nha loãng và lắp đặt đường ống xiphong Tank bảo quản men, ổn định quy trình, chất lượng dịch nha loãng thu hồi vào Tank lên men (từ tháng 10/2025). Lượng nha loãng thu hồi quý 04/2025 tương ứng 205 hl bia thành phẩm, tăng 14.60% so với trung bình quý 04/2024 (175 hl).
- + Cải tiến quy trình thu hồi dịch hottrub từ bồn hottrub: lắp đặt đường ống xiphong bồn hottrub để thu hồi về nồi lắng xoáy, thu hồi được đường sót tại bồn hottrub, tăng được thể tích dịch nha lạnh
- Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng:
 - + Lắp đặt hệ thống quạt hút CO₂ ở các tank và BBT khi trống để thu hồi triệt để lượng CO₂ còn lại trong tank. Tổng khối lượng CO₂ thu hồi được từ tháng 03/2025 đến hết tháng 12/2025 là 181,764 kg CO₂.
 - + Đầu tư hệ thống máy Nitơ để giảm bớt lượng CO₂ phải mua trong quá trình sản xuất. Trước khi lắp máy nitơ: Từ tháng 01 đến tháng 10 năm 2025, lượng CO₂ mua là 257,530 kgCO₂ tương ứng là 7.43 kgCO₂/1000 lít bia thành phẩm. Sau khi lắp đặt máy nitơ: Tháng 11 và tháng 12 năm 2025 không mua thêm CO₂.
 - + Sử dụng CO₂ lỏng chuẩn bị hóa hơi để lạnh Glycol. Kết quả trong năm 2025: lượng điện ước tính giảm trong năm 2025 là: 72,590 kWh, tương ứng giảm 1.6 kWh/1,000 lít bia thành phẩm.
 - + Sử dụng nước ngưng để gia nhiệt máy thanh trùng lon. Kết quả trong năm 2025: Lượng hơi ước tính tiết kiệm được 922.5 tấn hơi, tương ứng 0.02 tấn hơi/1,000 lít bia thành phẩm.
 - + Nhà máy tiếp tục duy trì Tổ kiểm soát thất thoát nhiệt và thực hiện các công việc kiểm soát thất thoát nhiệt trên hệ thống đường ống truyền tải như Thông báo số 750/TB-BSG ngày 02/10/2024. Kết quả đánh giá của 2 đợt kiểm tra định kỳ năm 2025: hiệu quả lớp bảo ôn cách nhiệt đối với hệ thống đường ống hơi nóng và đường ống lạnh vẫn đảm bảo.
- Tiết kiệm tài nguyên nước:

Triển khai sử dụng 03 nguồn nước làm nước đầu vào dùng cho sản xuất: Gồm nước thủy cục, nước mưa, nước mặt (nước thủy triều). Lượng nước được tái chế và sử dụng tính đến thời điểm báo cáo:

 - + Nước mưa: 25,950 m³.

PCCC, các khóa đào tạo khác theo đúng quy định pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của Sabeco.

4.7 Các hoạt động khác:

- Tuân thủ các yêu cầu Luật liên quan đến ATVSLĐ, môi trường, thuế...
- Tuân thủ các quy định của Sabeco về công tác SXKD, quản lý chi phí.

II. Định hướng năm 2026

1. Các chỉ tiêu chính năm 2026:

- Năm 2026 dự kiến rất nhiều khó khăn với các nguyên nhân nêu trên cùng với sản lượng được Tổng công ty giao 43 triệu lít, trong đó giá nguyên vật liệu chính (vỏ lon) tăng cao; lãi suất ngân hàng điều chỉnh tăng mạnh làm lợi nhuận kế hoạch năm 2026 khá khiêm tốn.
- Số liệu cuối năm 2025 : Dư nợ vay trung dài hạn của Công ty tại Vietinbank: 35.5 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2026 : Trả dứt nợ trung dài hạn 35.5 tỷ đồng, chi phí lãi vay dự kiến 10.4 tỷ đồng/năm, chi phí khấu hao tài sản : 40 tỷ/năm. Kế hoạch kinh doanh năm 2026 ghi nhận doanh thu và lợi nhuận dương với con số khiêm tốn. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	% Tăng trưởng (KH2026/TH2025)
Doanh thu thuần	tỷ đồng	494.01	470.61	- 4.74%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1.01	0.12	- 88.36%

2. Công tác đầu tư năm 2026:

Như đã nêu trên, năm 2026 dự báo sẽ vẫn còn rất nhiều khó khăn, Công ty chủ trương không đầu tư mới, chỉ tập trung duy tu bảo dưỡng thiết bị, sửa chữa nhà xưởng để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiếp tục mục tiêu kiểm soát định mức để giảm chi phí nguyên vật liệu, năng lượng.

3. Định hướng để đạt được các mục tiêu đề ra:

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác kiểm soát, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tiết kiệm chi phí điện, hơi nóng, nước, tự chủ được nguồn CO₂, quản lý hiệu quả định mức sản xuất, giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nâng cao năng suất lao động để hạ giá thành sản phẩm, kiện toàn bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục duy trì sơ đồ tổ chức và định biên như năm 2025, theo xu thế chung cắt giảm, sáp nhập của chính phủ nhưng vẫn đảm bảo sự hoạt động ổn định của Nhà máy.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiêm kế hoạch chi tiêu, kế hoạch tồn vật tư, nguyên vật liệu, bán thành phẩm... ở mức tối thiểu có thể nhưng vẫn đáp ứng an toàn cho sản xuất.
- Chỉ đạo Ban điều hành phối hợp tốt với các Ban nghiệp vụ Tổng công ty, Satraco, Công ty thương mại khu vực, đơn vị vận tải, bốc xếp để đáp ứng nhanh, kịp thời đưa hàng hóa ra thị trường. Đáp ứng nhanh sản lượng sản xuất theo yêu cầu của Sabeco.

- + Nước rửa xuôi hoàn nguyên cột lọc xử lý nước cấp: 3,655 m³.
- + Nước rửa ngược hoàn nguyên cột lọc xử lý nước cấp: 1,059 m³.
- + Thu hồi nước ngưng nhà nấu: 1,436 m³.
- + Nước sạch từ quá trình CIP nhà lọc: 934 m³.
- + Nước tráng rửa lon: 557 m³.
- + Nước mặt (nước thủy triều): 17,096 m³.
- + Tiết kiệm chi phí vận hành: Đầu tư máy quần màng co giảm bớt chi phí thuê bốc xếp trong quá trình vận chuyển bia thành phẩm.

b. Các giải pháp liên quan đến công tác quản trị nội bộ:

- Thực hiện tốt hơn công tác quản lý bảo trì, nâng cao kỹ năng chẩn đoán cũng như chú trọng bảo trì phòng ngừa nhằm đảm bảo độ ổn định và tính tin cậy của máy móc thiết bị; giảm thiểu thời gian dừng máy gián đoạn sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động toàn chuyên, kéo giảm giá thành chung cho nhà máy.
- Chú trọng công tác tự gia công, phục hồi vật tư phụ tùng hư hỏng, làm nguồn dự phòng, giảm thiểu chi phí mua mới.
- Giảm tối đa chi phí mua sắm, thay thế phụ tùng so với kế hoạch ban đầu, phù hợp với sản lượng sản xuất trong tình hình hiện tại.

4.4 Hoạt động đầu tư phát triển:

- Đánh giá năm 2025 nhiều khó khăn, chủ trương hạn chế tối đa đầu tư dàn trải, tập trung duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh để ổn định tài chính và tạo công ăn việc làm cho người lao động. Năm 2025, nhà máy thực hiện đầu tư máy sản xuất khí Nitơ và máy quần màng co để đáp ứng yêu cầu về TPO và giao hàng pallet theo quy định của Tổng công ty.

4.5 Quản trị tài chính:

- Giảm tối đa chi phí tồn kho; kiểm soát nguyên vật liệu, giữ mức tồn kho ở mức hợp lý; kiểm soát chi phí cho vật tư, phụ tùng thay thế, hành chính, ..
- Sử dụng hiệu quả vốn vay ngắn hạn; luân chuyển dòng tiền hợp lý; Năm 2025 nhà máy được sự hỗ trợ của Tổng công ty cho thanh toán trả chậm tiền nguyên vật liệu đã làm giảm khó khăn về dòng tiền.

4.6 Công tác nhân sự:

- Xây dựng tổ chức bộ máy, định biên lao động phù hợp với tình hình SXKD thực tế, điều chuyển nội bộ, phân công đúng người đúng việc để nâng cao năng suất lao động.
- Bố trí nhân lực phù hợp với từng giai đoạn sản xuất thấp điểm, cao điểm. Thực hiện tốt công tác bảo trì giảm thiểu thời gian dừng máy gián đoạn sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động toàn chuyên, kéo giảm giá thành chung cho nhà máy. Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực vào các công việc vệ sinh công nghiệp, nhà xưởng, sửa chữa XDCB nhằm tiết giảm tối đa chi phí thuê ngoài, từ khi nhà máy đi vào hoạt động nên nay Công ty đã không thuê dịch vụ bên ngoài cho các công tác này.
- Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho đội ngũ lao động, tiếp tục đào tạo vận hành hệ thống ISO, 17025, an toàn vệ sinh lao động, an toàn hóa chất, phóng xạ,

- Sử dụng hiệu quả giải pháp hỗ trợ tài chính từ Tổng Công ty để bù đắp dòng tiền vào hoạt động SXKD, trang trải các khoản nợ đến hạn, cân đối dòng tiền vào, ra trong tháng để chi trả đúng hạn các khoản phải trả và giảm tối đa chi phí tài chính (lãi vay).
- Theo dõi, giám sát chỉ đạo Ban điều hành thực hiện theo kế hoạch SXKD đã lập cho năm 2026 của Công ty được Đại hội thông qua.
- Mục tiêu phấn đấu trong năm 2026: Đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận nêu tại Mục 1.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2025 và định hướng năm 2026 của HĐQT. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và đóng góp ý kiến để hoạt động của HĐQT ngày càng hiệu quả hơn, góp phần cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lưu Văn Tuấn


CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - BẾN TRE



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM
NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 về quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Điều lệ và các quy định Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;
- Căn cứ kết quả kinh doanh của Công ty;
- Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 cụ thể như sau:

I. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

- Nhân sự Ban kiểm soát của công ty bao gồm 3 thành viên:
 - + Ông Đỗ Văn Biên Trưởng ban
 - + Ông Hà Đức Trung Thành viên
 - + Bà Lưu Thanh Thảo Thành viên
- Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao của Ban kiểm soát theo đúng quy định.

II. Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

1. Tổng kết số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2025:

- Ban kiểm soát có 04 phiên họp để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2025.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

- Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã triển khai và thực hiện tốt Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025, cũng như quy chế của Công ty và các quy định của pháp luật. Năm 2025 tình hình thị trường bia còn rất nhiều khó khăn, tuy nhiên HĐQT và Ban Điều Hành cùng với tập thể CBCNV Công ty đã có nhiều cố gắng vượt qua khó khăn để bám sát nội dung kế hoạch ĐHCĐ năm 2025 đề ra.
- Theo nghị quyết ĐHCĐ 2025 Công ty đã chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025. Ban kiểm soát ghi nhận BCTC năm 2025 của Công ty đã được KPMG kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.



- Một số chỉ tiêu chính như sau: (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	TH2025/ KH2025 (%)	TH2025/ TH2024 (%)
Doanh thu thuần	536,258	494,015	524,724	92%	94%
Lợi nhuận sau thuế	6,131	1,005	3,463	16%	29%

- Ban kiểm soát đề nghị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và các giai đoạn có liên quan khác như Công ty kiểm toán độc lập của Sabeco.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp để đánh giá kết quả hoạt động thường kỳ và quyết định các chủ trương quan trọng. Năm 2025 HĐQT đã ban hành 04 Nghị quyết.
- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ. Các nghị quyết, quyết định HĐQT ban hành phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.
- Trong tình hình tiêu thụ khó khăn, Ban điều hành đã nỗ lực thực hiện công tác quản trị sản xuất, tối thiểu hóa các chi phí để có thể thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách khả quan nhất theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, Ban điều hành:

- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông luôn vì lợi ích chung, đảm bảo nguyên tắc tuân thủ theo quy định pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã cung cấp đầy đủ các Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động kinh doanh của công ty khi Ban kiểm soát có yêu cầu.
- Định kỳ hàng tháng, Ban kiểm soát đều nhận được kịp thời báo cáo tài chính tháng của Công ty để có cơ sở xem xét, giám sát tình hình hoạt động hàng tháng của Công ty.

III. Phương hướng hoạt động năm 2026

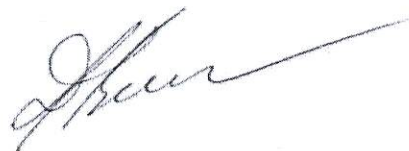
- Tiếp tục giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.
- Xem xét thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.
- Tham gia phối hợp với Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty để đảm bảo lợi ích cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2025 và định hướng năm 206 của Ban

kiểm soát Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và đóng góp ý kiến để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng hiệu quả hơn.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Văn Biên



Số : 14 /2026/TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh và
Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh
- Căn cứ Quyết định số: 36/2025/QĐ-TTg, ngày 29/09/2025 Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và các quy định mới nhất của Nhà nước về ngành nghề kinh doanh. Nội dung sửa đổi được trình bày tại Tờ trình này liên quan đến các vấn đề sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh như file đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Tuấn



Trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

**BẢNG THUYẾT MINH ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẾN TRE**
(Đính kèm Tờ trình số 14/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026)

CƠ SỞ ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Căn cứ Quyết định số: 36/2025/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 9 năm 2025 Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI (SỬA ĐỔI LẦN 3, THÁNG 4/2023)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI (SỬA ĐỔI LẦN 4, THÁNG 4/2026)
<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 28/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023</p>	<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... /2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Phước Hậu (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7), Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.- Điện thoại: 0275 3635678- E-mail: phonghcth@biasaigonbentre.com.vn	<p>Điều 2: Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Phước Hậu (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7), Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long.- Điện thoại: 0275 3635678- E-mail: info@biasaigonbentre.com.vn
<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>

Trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. <i>Chi tiết: Sản xuất bia.</i>	1103 (<i>chính</i>)
2	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. <i>Chi tiết: Sản xuất rượu.</i>	1101
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: Sản xuất nước giải khát.</i>	1104
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - <i>Bán buôn (Mua bán) vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.</i> - <i>Bán buôn vỏ lon nhôm.</i>	4669
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. <i>Chi tiết: Mua bán phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.</i>	4659
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.</i>	5610
7	Điều hành tua du lịch. <i>Chi tiết: Kinh doanh du lịch.</i>	7912
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.</i>	5510
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.</i>	6810
10	Cho thuê xe có động cơ	7710
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12	Tái chế phế liệu. <i>Chi tiết: Tái chế vỏ lon nhôm</i>	3830

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất bia	1103 (<i>chính</i>)
2	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. <i>Chi tiết: Sản xuất rượu.</i>	1101
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: Sản xuất nước giải khát.</i>	1105
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - <i>Bán buôn (Mua bán) vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.</i> - <i>Bán buôn vỏ lon nhôm.</i>	4679
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. <i>Chi tiết: Mua bán phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.</i>	4659
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.</i>	5610
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.</i>	6810
8	Cho thuê xe có động cơ	7710
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	9531

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẾN TRE

☎00☎

DỰ THẢO

BIA
SAIGON.
BEN TRE

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẾN TRE
(Ban hành theo Nghị quyết số/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026)

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II	5
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG IV	6
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V	8
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
CHƯƠNG VI	9
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
CHƯƠNG VII	22
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
CHƯƠNG VIII	28
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 32. Người điều hành Công ty	28

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc	29
Điều 34. Thư ký Công ty	29
CHƯƠNG IX	30
BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	30
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát.....	30
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát.....	31
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	32
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	32
CHƯƠNG X.....	32
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
CHƯƠNG XI	34
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	34
CHƯƠNG XII	34
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	34
CHƯƠNG XIII.....	35
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	35
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	35
CHƯƠNG XIV	35
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	35
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	36
Điều 47. Năm tài chính	36
Điều 48. Chế độ kế toán.....	36
CHƯƠNG XV.....	36
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	36
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	36
Điều 50. Báo cáo thường niên	36
CHƯƠNG XVI	37
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 51. Kiểm toán.....	37
CHƯƠNG XVII	37
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	37
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	37
CHƯƠNG XVIII.....	37
GIẢI THỂ CÔNG TY	37
Điều 53. Giải thể công ty	37
Điều 54. Gia hạn hoạt động	38
Điều 55. Thanh lý	38
CHƯƠNG XIX	38
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	38
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	38
CHƯƠNG XX.....	39
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 57. Điều lệ công ty	39
CHƯƠNG XXI	39
NGÀY HIỆU LỰC.....	39
Điều 58. Ngày hiệu lực	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... /2026/NQ-DHĐCD ngày 16 tháng 04 năm 2026

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật. ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẾN TRE**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **SAIGON-BENTRE BEER JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên Công ty viết tắt: **BiaSaiGonBenTre hoặc BSGBTr.**
2. Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre (sau đây gọi tắt là Công ty) là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Phước Hậu (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7), Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long.
 - Điện thoại: 0275 3635678
 - E-mail: info@biasaigonbentre.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Giám đốc;
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.
 - a) Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật

Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- b) Quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 29 và Điều 34 Điều lệ này.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất bia	1103 (chính)
2	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. <i>Chi tiết: Sản xuất rượu.</i>	1101
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: Sản xuất nước giải khát.</i>	1105
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn (Mua bán) vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát. - Bán buôn vỏ lon nhôm.	4679
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. <i>Chi tiết: Mua bán phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.</i>	4659
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.</i>	5610
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.</i>	6810
8	Cho thuê xe có động cơ	7710
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	9531

2. Mục tiêu hoạt động của công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc .

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;



- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông

qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

- Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc

chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ

- tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không

tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f) Gia hạn hoạt động công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm

soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
 - h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - i) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - j) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;



- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính

của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông



Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tại Đại hội đồng cổ đông. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương

nhiệm đề cử ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của

những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
 - r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này

do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội

đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

- c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

13. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

14. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó;
- e) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là

người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

16. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
17. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
18. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc ;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.



CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này.
Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối

tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh

toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách

quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Phân phối lợi nhuận được thực hiện như sau:

Hàng năm, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế cụ thể như sau:

- a) Quỹ đầu tư phát triển;
- b) Quỹ khen thưởng và phúc lợi;
- c) Quỹ an sinh xã hội;
- d) Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Tỷ lệ trích lập theo đề nghị của Hội đồng quản trị và do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về

chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu (06 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm

soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre nhất trí thông qua ngày 16 tháng 04 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lưu Văn Tuấn

Số : 15 /2026/TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;

Thực hiện Nghị quyết số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 như công ty kiểm toán độc lập do Tổng Công ty (SABECO) lựa chọn, theo đó Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Tuấn

Tài liệu đính kèm: Báo cáo kiểm toán năm 2025 do Công ty KPMG thực hiện.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 1301026370 ngày 17 tháng 3 năm 2017
Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh năm lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 19 tháng 11 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Lưu Văn Tuấn Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thúy Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh Thành viên

Ban Kiểm soát Ông Đỗ Văn Biên Trưởng ban
Ông Hà Đức Trung Thành viên
Bà Lưu Thanh Thảo Thành viên

Ban Giám đốc Ông Lưu Văn Tuấn Giám đốc
Bà Lê Thị Tố Uyên Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Ấp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7)
Xã Giao Long
Tỉnh Vĩnh Long
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

102
ÔNG
S PH
BI
ÔN-
ÔNG

ÔNG
C
C
ÔNG NH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính đã thuyết minh đầy đủ về giá trị của giả định hoạt động liên tục và yếu tố không chắc chắn trọng yếu.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3-C
RE
H LON

12-001
IÁNH
TINH
AG
CHÍ



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính, trong đó đề cập rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 250.782 triệu VND (1/1/2025: 239.027 triệu VND). Công ty cũng có khoản vay đáng kể cần tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Những điều kiện này được đề cập trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG Việt Nam

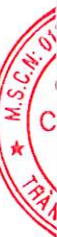
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-01672-26-1



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2023-007-1



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		54.609.718.305	82.665.397.730
Tiền	110	4	2.036.218.890	29.077.410.033
Tiền	111		2.036.218.890	29.077.410.033
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.754.960.415	18.032.116.419
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	21.954.377.662	17.762.126.056
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		550.326.118	35.944.989
Phải thu ngắn hạn khác	136		250.256.635	234.045.374
Hàng tồn kho	140	6	29.095.375.855	34.898.843.826
Hàng tồn kho	141		29.095.375.855	34.898.843.826
Tài sản ngắn hạn khác	150		723.163.145	657.027.452
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		723.163.145	657.027.452
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		399.325.466.902	436.779.649.821
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		20.000.000	20.000.000
Tài sản cố định	220		380.897.750.541	417.600.504.237
Tài sản cố định hữu hình	221	7	380.897.750.541	417.600.504.237
Nguyên giá	222		742.493.864.285	741.728.664.285
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(361.596.113.744)	(324.128.160.048)
Tài sản dở dang dài hạn	240		43.543.613	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242		43.543.613	-
Tài sản dài hạn khác	260		18.364.172.748	19.159.145.584
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	17.273.589.456	17.917.066.725
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	1.090.583.292	1.242.078.859
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		453.935.185.207	519.445.047.551

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		320.270.346.569	386.785.406.869
Nợ ngắn hạn	310		305.391.442.358	321.692.183.446
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	77.147.469.438	78.324.074.609
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.162.125
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	75.101.173.583	49.622.473.768
Phải trả người lao động	314		1.341.381.769	-
Chi phí phải trả	315	12	6.542.384.887	5.427.381.504
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	716.302.537	938.715.845
Vay ngắn hạn	320	14(a)	144.542.730.144	187.268.373.119
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	-	110.002.476
Nợ dài hạn	330		14.878.904.211	65.093.223.423
Vay dài hạn	338	14(b)	-	54.446.469.452
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	9	14.878.904.211	10.646.753.971
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		133.664.838.638	132.659.640.682
Vốn chủ sở hữu	410	16	133.664.838.638	132.659.640.682
Vốn cổ phần	411	17	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.664.838.638	32.659.640.682
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.659.640.682	29.196.879.509
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.005.197.956	3.462.761.173
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		453.935.185.207	519.445.047.551

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

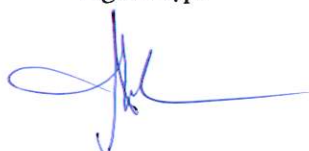
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	19	494.014.987.657	524.725.475.880
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.610.468
Doanh thu thuần từ bán hàng (10 = 01 – 02)	10		494.014.987.657	524.723.865.412
Giá vốn hàng bán	11	20	465.172.201.548	492.259.406.836
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		28.842.786.109	32.464.458.576
Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.658.318	5.696.402
Chi phí tài chính	22		10.596.536.855	13.769.259.230
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.596.536.855	13.769.259.230
Chi phí bán hàng	25		209.675.579	200.107.792
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	11.628.874.826	11.207.892.472
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.413.357.167	7.292.895.484
Thu nhập khác	31	22	1.846.214.689	5.806.449.983
Chi phí khác	32	23	2.861.781.293	3.520.894.001
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.015.566.604)	2.285.555.982
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.397.790.563	9.578.451.466
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	8.946.800	417.993.875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	4.383.645.807	5.697.696.418
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.005.197.956	3.462.761.173

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		5.397.790.563	9.578.451.466
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		37.467.953.696	39.059.603.996
Các khoản dự phòng	03		-	(6.783.812)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.658.318)	(5.696.402)
Chi phí lãi vay	06		10.596.536.855	13.769.259.230
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.456.622.796	62.394.834.478
Biến động các khoản phải thu	09		(4.722.843.996)	(2.622.723.109)
Biến động hàng tồn kho	10		5.759.924.358	7.420.562.709
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		26.975.619.676	(4.238.130.945)
Biến động chi phí trả trước	12		577.341.576	1.004.816.170
			82.046.664.410	63.959.359.303
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.037.252.168)	(14.507.270.013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.946.800)	(417.993.875)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(110.002.476)	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		70.890.462.966	48.934.095.415

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(765.200.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.658.318	5.696.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(759.541.682)	5.696.402
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		740.558.628.428	958.490.470.783
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(837.730.740.855)	(982.435.416.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.172.112.427)	(23.944.945.290)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(27.041.191.143)	24.994.846.527
Tiền đầu năm	60		29.077.410.033	4.082.563.506
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	2.036.218.890	29.077.410.033

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA
SÀI GÒN - BẾN TRE
X. GIAO LONG - T. VĨNH

Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 83 nhân viên (1/1/2025: 84 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 250.782 triệu VND (1/1/2025: 239.027 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Ngày 23 tháng 10 năm 2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch bán cổ phần của các cổ đông hiện hữu của Công ty cho Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (“SABECO”), một cổ đông hiện hữu và là bên liên quan, theo đó SABECO sẽ nắm giữ 51,5% vốn cổ phần của Công ty và qua đó tăng cường khả năng hỗ trợ tài chính của SABECO đối với Công ty (“Kế hoạch”). Ngoài ra, Công ty nhận đơn hàng và bán sản phẩm chủ yếu cho SABECO. Giá trị của giả định hoạt động liên tục chủ yếu phụ thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn hàng và nhận được hỗ trợ về thời hạn tín dụng thanh toán từ SABECO để tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương, duy trì các hạn mức tín dụng chưa sử dụng, cũng như sự thành công của Kế hoạch nhằm giúp Công ty đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn và duy trì hoạt động liên tục trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn hạn mức tín dụng ngân hàng chưa sử dụng và khoản hỗ trợ thời hạn thanh toán từ SABECO. Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng và tiếp tục nhận được khoản vay từ ngân hàng, và tiếp tục tiến triển theo Kế hoạch trở thành công ty con của SABECO.

Tuy nhiên, những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục tồn tại.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 46 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két inox 1 đến 2 lít sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.



2042-0

NHÂN
TY T
PMG

HỒ S

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	2.036.218.890	29.077.410.033



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - một bên liên quan	21.172.356.877	16.915.645.267
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn - một bên liên quan	176.004.145	296.508.347
Các khách hàng khác	606.016.640	549.972.442
	21.954.377.662	17.762.126.056

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.077.005.990	-	6.971.510.127	-
Công cụ và dụng cụ	7.168.853.967	-	7.049.560.335	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.979.982.853	-	14.144.203.626	-
Thành phẩm	5.869.533.045	-	6.733.569.738	-
	29.095.375.855	-	34.898.843.826	-

3010
CÔNG
CỔ P
BI
SÀI GÒN
LONG

T.N.H.H
★
L

M.S.C.N: 0100
★
C
C
★
TRẦN

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	198.039.748.285	538.677.475.745	5.011.440.255	741.728.664.285
Tăng trong năm	-	765.200.000	-	765.200.000
Số dư cuối năm	198.039.748.285	539.442.675.745	5.011.440.255	742.493.864.285
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	41.849.958.314	277.283.445.175	4.994.756.559	324.128.160.048
Khấu hao trong năm	5.665.853.928	31.785.416.072	16.683.696	37.467.953.696
Số dư cuối năm	47.515.812.242	309.068.861.247	5.011.440.255	361.596.113.744
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	156.189.789.971	261.394.030.570	16.683.696	417.600.504.237
Số dư cuối năm	150.523.936.043	230.373.814.498	-	380.897.750.541

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình là tài sản có giá trị 14.800 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 9.849 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, tất cả tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	17.264.554.788	293.805.534	358.706.403	17.917.066.725
Tăng trong năm	-	-	188.146.708	188.146.708
Phân bổ trong năm	(409.433.652)	(173.762.329)	(248.427.996)	(831.623.977)
Số dư cuối năm	16.855.121.136	120.043.205	298.425.115	17.273.589.456

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 16.855 triệu VND (1/1/2025: 17.265 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả)**

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	1.090.583.292	1.242.078.859
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ khấu hao tài sản cố định hữu hình	20%	(14.878.904.211)	(10.646.753.971)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(13.788.320.919)	(9.404.675.112)

10. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	75.507.029.723	74.840.176.095
Các nhà cung cấp khác	1.640.439.715	3.483.898.514
	77.147.469.438	78.324.074.609

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	75.507.029.723	74.840.176.095
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.315.786	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.427.062.316	96.876.102.647	(93.913.790.858)	9.389.374.105
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.076.593.503	478.043.041.396	(455.452.918.643)	65.666.716.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.946.800	(8.946.800)	-
Thuế thu nhập cá nhân	118.817.949	472.166.260	(546.153.977)	44.830.232
Các loại thuế khác	-	11.657.198	(11.404.208)	252.990
	49.622.473.768	575.411.914.301	(549.933.214.486)	75.101.173.583

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí thường	5.452.916.459	4.120.424.922
Chi phí lãi vay phải trả	438.125.919	878.841.232
Chi phí phải trả khác	651.342.509	428.115.350
	6.542.384.887	5.427.381.504

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí mua hàng trích trước	78.352.537	227.870.845
Phải trả ngắn hạn khác	637.950.000	710.845.000
	716.302.537	938.715.845

00
N
N
G
CH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2025	Biến động trong năm		31/12/2025
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	124.268.373.119	740.558.628.428	755.730.740.855	109.096.260.692
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))	63.000.000.000	54.446.469.452	82.000.000.000	35.446.469.452
	<u>187.268.373.119</u>	<u>795.005.097.880</u>	<u>837.730.740.855</u>	<u>144.542.730.144</u>

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025	1/1/2025
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	3,50% - 6,30%	109.096.260.692	124.268.373.119

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

(b) Vay dài hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Vay dài hạn (**)	54.446.469.452	117.446.469.452
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14(a))	(54.446.469.452)	(63.000.000.000)
	<u>-</u>	<u>54.446.469.452</u>

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(**) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vietinbank - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	6,40%	2026	54.446.469.452	117.446.469.452

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 397.753 triệu VND (1/1/2025: 434.866 triệu VND) (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 8).

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	110.002.476	210.002.476
Sử dụng trong năm	(110.002.476)	(100.000.000)
Số dư cuối năm	-	110.002.476

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	100.000.000.000	29.196.879.509	129.196.879.509
Lợi nhuận thuần trong năm	-	3.462.761.173	3.462.761.173
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	100.000.000.000	32.659.640.682	132.659.640.682
Lợi nhuận thuần trong năm		1.005.197.956	1.005.197.956
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	100.000.000.000	33.664.838.638	133.664.838.638

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nguyên vật liệu nhận giữ hộ một bên liên quan

	Đơn vị	31/12/2025	31/12/2023
Nguyên vật liệu	kg	379.080	319.080

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025	2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	484.211.480.832	513.010.123.157
▪ Bán bã bia	4.879.513.500	5.473.957.900
▪ Bán bao bì	4.327.888.501	5.440.861.922
▪ Doanh thu khác	596.104.824	800.532.901
	<hr/>	<hr/>
	494.014.987.657	524.725.475.880
	<hr/>	<hr/>

20. Giá vốn hàng bán

	2025	2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	460.858.420.909	486.762.367.113
▪ Bao bì đã bán	4.313.780.639	5.497.039.723
	<hr/>	<hr/>
	465.172.201.548	492.259.406.836
	<hr/>	<hr/>

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.015.969.628	8.286.737.449
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.335.742	87.898.889
Chi phí khấu hao	2.499.996	275.207.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.226.298.689	2.034.581.330
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	285.770.771	523.467.142
	<hr/>	<hr/>
	11.628.874.826	11.207.892.472
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Thu nhập khác**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận từ việc thanh lý chai và kết	-	4.486.129.519
Thu nhập khác	1.846.214.689	1.320.320.464
	<hr/> 1.846.214.689	<hr/> 5.806.449.983

23. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao máy móc tạm ngừng hoạt động	2.735.008.982	2.921.581.902
Chi phí khác	126.772.311	599.312.099
	<hr/> 2.861.781.293	<hr/> 3.520.894.001

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	400.101.520.895	400.447.699.246
Chi phí nhân công và nhân viên	23.684.575.674	22.588.540.011
Chi phí khấu hao	37.467.953.696	39.059.603.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.100.230.170	10.655.495.668
Chi phí khác	382.056.867	676.902.199
	<hr/> 854.633.137.292	<hr/> 879.320.151.120

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Dự phòng thiếu những năm trước	8.946.800	417.993.875
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	4.383.645.807	5.697.696.418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4.392.592.607</u>	<u>6.115.690.293</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.397.790.563	9.578.451.466
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.079.558.113	1.915.690.293
Chi phí không được khấu trừ thuế	761.737.556	891.194.812
Chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	2.542.350.138	2.890.811.313
Dự phòng thiếu những năm trước	8.946.800	417.993.875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4.392.592.607</u>	<u>6.115.690.293</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	960.970.555.360	1.010.309.483.610
Bán bao bì và bán khác	4.313.016.790	5.622.774.239
Mua nguyên vật liệu	371.116.351.535	391.659.679.706
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	1.648.933.120	1.145.241.649
Mua dịch vụ	3.049.458	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	345.404.000	261.180.000
Mua dịch vụ	-	225.000.000
Mua máy móc và thiết bị	765.200.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	-	99.095.000
Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	-	69.400.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – Chi nhánh Củ Chi		
Mua hàng hóa	37.225.500	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lưu Văn Tuấn – Chủ tịch	169.000.000	177.000.000
Bà Bùi Thị Thúy – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.222.824.923	2.214.971.123

26370

G TY
HÀNH
IA
BẾN TRE

Đ. T. VINH

142-007-L

HÀNH
TY TNHH
MG

HỒ CHÍ M

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Đỗ Văn Biên – Trưởng ban	108.000.000	114.000.000
Ông Hà Đức Trung – Thành viên	82.000.000	86.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	82.000.000	86.000.000

27. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lưu Văn Tuấn
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 16 /2026/TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v : Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và các giai đoạn có liên quan khác như công ty kiểm toán độc lập do Tổng Công ty (SABECO) chọn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP.HĐQT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: 17 /2026/TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Các hợp đồng và giao dịch cần ĐHĐCĐ thông qua

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2026 như sau:

1. Hợp đồng Mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất với Tổng công ty cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), các phụ lục thuộc Hợp đồng này.
2. Hợp đồng Nguyên tắc hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa với Tổng công ty cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) và Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn (SATRACO), các phụ lục thuộc Hợp đồng này.

Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để ký kết và thực hiện các Hợp đồng, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt Hợp đồng (nếu có) phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS, BGĐ
- Lưu VP.HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Tuấn

Số: 18 /2026/TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

DƯ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;
- Căn cứ Nghị quyết số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;
- Căn cứ kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và Báo cáo kiểm toán năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể như sau :

Đơn vị tính: đồng

TT	Diễn giải	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
1	Sản lượng (lít)	49.000.000	44.780.385
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	32.659.640.682	32.659.640.682
3	Lợi nhuận sau thuế	6.130.960.096	1.005.197.956
4	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	-	-
-	Quỹ phúc lợi (1 tháng lương)	-	-
-	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-
-	Quỹ thưởng sáng kiến, cải tiến	-	-
-	Chia cổ tức	-	-
-	Tỷ lệ chia cổ tức	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	38.790.600.778	33.664.838.638

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Tuấn

Số: 19 /2026/TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

DƯ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;
- Căn cứ kết quả thực hiện và Báo cáo kiểm toán năm 2025;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026, cụ thể như sau :

Đơn vị tính: đồng

TT	Diễn giải	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Sản lượng (lít)	44.780.385	43.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	32.659.640.682	33.664.838.638
3	Lợi nhuận sau thuế	1.005.197.956	117.041.872
4	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	-	-
-	Quỹ phúc lợi (1 tháng lương)	-	-
-	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-
-	Quỹ thưởng sáng kiến, cải tiến	-	-
-	Chia cổ tức	-	-
-	Tỷ lệ chia cổ tức	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	33.664.838.638	33.781.880.510

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu VP.HĐQT



Số : 20 /2026/TTr-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị &
Ban kiểm soát năm 2025 và thông qua kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;
- Căn cứ Nghị quyết số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre;
- Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

No.	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	
					Người/tháng	Tổng cộng
1	Hội đồng quản trị	VND	416.000.000	416.000.000		416.000.000
1.1	Chủ tịch	VND	104.000.000	104.000.000	8.000.000	104.000.000
1.2	Thành viên (4)	VND	312.000.000	312.000.000	6.000.000	312.000.000
2	Ban kiểm soát	VND	182.000.000	182.000.000		182.000.000
2.1	Trưởng ban	VND	78.000.000	78.000.000	6.000.000	78.000.000
2.2	Thành viên (2)	VND	104.000.000	104.000.000	4.000.000	104.000.000
	TỔNG CỘNG		598.000.000	598.000.000		598.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lưu Văn Tuấn